TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 1436/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01-10-2018
V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Phương Trang

Bà Nguyễn Thị Hồng Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2018 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thu L, sinh năm: 1986 (có mặt)
Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trịnh Đình L, sinh năm: 1985 (có mặt)
Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của các đương sự tại các phiên hòa giải, tại phiên tòa hôm nay cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn – Bà Đặng Thị Thu L trình bày:

Bà và ông Trịnh Đình L sống chung với nhau từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà khai rằng trong thời gian chung sống hai vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L không có trách nhiệm, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Ông L không có nghề nghiệp ổn định nên toàn bộ chi phí trong gia đình bà phải một mình gánh chịu. Tháng 7/2017, do cuộc sống có nhiều áp lực nên ông L thường xuyên nhậu nhẹt đánh đập bà. Bà và ông L đã ly thân và ông L mang con về nhà ông L nuôi. Bà có nhiều lần đến gọi điện, nhắn tin, tìm đến nhà thăm con mà không gặp được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông L.

- Về con chung: bà L khai giữa bà và ông L có 01 con chung là trẻ K - sinh ngày 23/03/2016. Bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Hiện bà đang kinh doanh có thu nhập khoảng 50.000.000 đồng/tháng, có nhà riêng nên bà có đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung : Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Trịnh Đình L trình bày:

Ông xác nhận việc chung sống và quá trình phát sinh mâu thuẫn như bà L trình bày. Nay bà L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông đồng ý.

- Về con chung: ông L khai giữa ông và bà L có 01 con chung là trẻ K - sinh ngày 23/03/2016. Ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng do 05 tháng nay ông là người trực tiếp nuôi con, bà L không hề quan tâm hỏi han gì đến con. Ông hiện đang buôn bán mặt hàng điện tại nhà, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Hiện ông đang sống cùng con tại nhà cha mẹ ông. Với mức thu nhập và điều kiện sống hiện tại, ông đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên ông kinh doanh tại nhà nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho mức thu nhập của ông.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục thông báo và tống đạt văn bản tố tụng, hòa giải, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thủ tục phiên tòa đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng của bà L và ông L, giao con chung là trẻ K -

sinh ngày 23/03/2016 cho bà L nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: đôi bên khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại quận B, do đó căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý và giải quyết vụ án trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Đặng Thị Thu L và ông Trịnh Đình L chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm về hình thức kết hôn được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông L cũng đồng ý với yêu cầu của bà L về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L về không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông L.

- Về con chung: bà L và ông L đều khai có 01 con chung là trẻ K - sinh ngày 23/03/2016. Bà L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Còn ông L cũng yêu cầu giao trẻ K cho ông nuôi dưỡng, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cái. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ K còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi lại là trẻ gái, bà L cũng có đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt nên để đảm bảo quyền lợi của trẻ theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L giao trẻ K - sinh ngày 23/03/2016 cho bà L được quyền nuôi dưỡng con để thuận tiện cho việc chăm sóc là phù hợp. Việc bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: bà L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng

án phí số 0043526 ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, 16, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị Thu L và ông Trịnh Đình L là vợ chồng.

Về con chung: bà L và ông L đều khai có 01 con chung là trẻ K - sinh ngày 23/03/2016

Giao cho bà Đặng Thị Thu L được quyền nuôi dưỡng con chung là trẻ K - sinh ngày 23/03/2016. Ghi nhận việc bà Đặng Thị Thu L tự nguyện không yêu cầu ông Trịnh Đình L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Thu L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà Đặng Thị Thu L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0043526 ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị Thu L đã nộp đủ án phí theo quy định

Án sơ thẩm xử công khai. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. B;
- Chi cục THADS Q. B;
- UBND nơi cấp giấy CNĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Hường